

Số: 1185/NQ-UBTVQH14

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Xét đề nghị của Ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 30/TTr-BCTĐB ngày 08 tháng 01 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV

Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XV là 500 người.

Điều 2. Số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương

Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương như sau:

1. Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương là 207 đại biểu (41,4%)

Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương được phân bổ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

- Các cơ quan Đảng : 10 đại biểu (2,0%).

- Cơ quan Chủ tịch nước : 03 đại biểu (0,6%).

- Các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương): 133 đại biểu (26,6%).

- Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ (bao gồm cả Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an): 15 đại biểu (3,0%).

- Lực lượng vũ trang:

+ Quân đội (cơ quan Bộ, các quân khu, quân chủng và lĩnh vực trọng yếu): 12 đại biểu (2,4%);

+ Công an: 02 đại biểu (0,4%).

- Tòa án nhân dân tối cao : 01 đại biểu (0,2%).

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).

- Kiểm toán nhà nước : 01 đại biểu (0,2%).

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên: 29 đại biểu (5,8%).

2. Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương là 293 đại biểu (58,6%)

Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương được phân bổ như sau:

a) Cơ cấu định hướng gồm 220 đại biểu (44%)

Cơ cấu định hướng là cơ cấu khung để các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử, gồm:

- Lãnh đạo chủ chốt ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiêm Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội (Bí thư hoặc Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân) 63 đại biểu (12,6%).

- Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội 67 đại biểu (13,4%) (đối với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An và tỉnh Thanh Hóa, mỗi địa phương có 02 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách).

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam : 09 đại biểu (1,8%)

- Công đoàn : 06 đại biểu (1,2%).

- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 05 đại biểu (1,0%).

- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam: 07 đại biểu (1,4%).

- Hội Nông dân Việt Nam : 05 đại biểu (1,0%).

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam : 03 đại biểu (0,6%).

- Đại biểu tôn giáo : 06 đại biểu (1,2%).

- Quân đội (bao gồm Bộ Chỉ huy quân sự và Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh): 14 đại biểu (2,8%).

- Công an : 09 đại biểu (1,8%).

- Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Sở Tư pháp: 13 đại biểu (2,6%), trong đó: Tòa án nhân dân: 05 đại biểu; Viện Kiểm sát nhân dân: 04 đại biểu; Sở Tư pháp: 04 đại biểu.

- Tổ chức khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo (viện nghiên cứu, đại học, học viện, ...): 06 đại biểu (1,2%).

- Doanh nghiệp, hiệp hội, nghiệp đoàn về lĩnh vực sản xuất kinh doanh: 07 đại biểu (1,4%).

b) Cơ cấu hướng dẫn do các địa phương giới thiệu 73 đại biểu (14,6%).

Cơ cấu hướng dẫn là cơ cấu linh hoạt để các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử tiêu biểu, gồm đại diện các ngành: khoa học - công nghệ, lao động, thương binh - xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa - nghệ thuật, đại diện Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ... Trong cơ cấu này, cần quan tâm phân bổ hợp lý số người là phụ nữ, ngoài Đảng, dân tộc, trẻ tuổi và tự ứng cử.

3. Cơ cấu kết hợp

Cơ cấu kết hợp là các cơ cấu theo chi tiêu kết hợp. Một người ứng cử đại biểu Quốc hội có thể có nhiều hơn một cơ cấu kết hợp, gồm:

- Đại biểu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoảng 95 đồng chí (14%), trong đó có 12-14 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng.

- Đại biểu là người ngoài Đảng : từ 25-50 đại biểu (5%-10%).

- Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) : khoảng 50 đại biểu (10%).

- Đại biểu tái cử : khoảng 160 đại biểu (32%).

- Đại biểu là người dân tộc thiểu số bảo đảm tỷ lệ ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Đại biểu là phụ nữ bảo đảm tỷ lệ ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

4. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm bầu đủ số lượng 500 đại biểu, đáp ứng tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, có cơ cấu phù hợp, là người tiêu biểu đại diện các ngành, các giới và các tầng lớp Nhân dân; không nên kết hợp nhiều cơ cấu đối với một đại biểu.

Điều 3. Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo nguyên tắc:

- Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất là 03 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;

- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 đại biểu;

- Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất là 06 đại biểu.

2. Dự kiến phân bổ đại biểu Trung ương ứng cử ở địa phương theo nguyên tắc:

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 06 đại biểu thì có 02 đại biểu Trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 07 đại biểu thì có 03 đại biểu Trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 08 đại biểu thì có 03-04 đại biểu Trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 09 đại biểu thì có 04 đại biểu Trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 11 đến 14 đại biểu thì có 05-07 đại biểu Trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 29-30 đại biểu thì có 14-15 đại biểu Trung ương.

3. Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV dự kiến được bầu ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được phân bổ chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Dự kiến cơ cấu, thành phần và những người được giới thiệu ứng cử

Căn cứ vào quy định tại các điều 1, 2 và 3 của Nghị quyết này và Điều 8 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp Nhân dân trong Quốc hội khóa XV.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Ban Thường trực UBTWMTTQVN;
- Ủy ban bầu cử tỉnh, thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQ cấp tỉnh;
- Lưu: HC, CTĐB.

E-pas: 2187

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Ngân

Phụ lục
DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU, THÀNH PHẦN
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

| STT | Tỉnh/Thành phố | Dự kiến Đại biểu Quốc hội khóa XV | | |
|-----|----------------|-----------------------------------|--|--|
| | | Tổng số | Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu | Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu |
| 1 | TP Hồ Chí Minh | 30 | 15 | 15 |
| 2 | Hà Nội | 29 | 14 | 15 |
| 3 | Thanh Hoá | 14 | 7 | 7 |
| 4 | Nghệ An | 13 | 6 | 7 |
| 5 | Đồng Nai | 12 | 6 | 6 |
| 6 | Bình Dương | 11 | 6 | 5 |
| 7 | Hải Phòng | 9 | 4 | 5 |
| 8 | Hải Dương | 9 | 4 | 5 |
| 9 | An Giang | 9 | 4 | 5 |
| 10 | Đắk Lắk | 9 | 4 | 5 |
| 11 | Thái Bình | 9 | 4 | 5 |
| 12 | Bắc Giang | 9 | 4 | 5 |
| 13 | Đồng Tháp | 8 | 4 | 4 |
| 14 | Gia Lai | 8 | 4 | 4 |
| 15 | Quảng Ninh | 8 | 4 | 4 |
| 16 | Nam Định | 8 | 3 | 5 |
| 17 | Tiền Giang | 8 | 3 | 5 |
| 18 | Kiên Giang | 8 | 3 | 5 |
| 19 | Long An | 8 | 3 | 5 |
| 20 | Quảng Nam | 7 | 3 | 4 |
| 21 | Bình Định | 7 | 3 | 4 |
| 22 | Phú Thọ | 7 | 3 | 4 |
| 23 | Bắc Ninh | 7 | 3 | 4 |
| 24 | Lâm Đồng | 7 | 3 | 4 |
| 25 | Thái Nguyên | 7 | 3 | 4 |
| 26 | Hà Tĩnh | 7 | 3 | 4 |
| 27 | Bến Tre | 7 | 3 | 4 |
| 28 | Sơn La | 7 | 3 | 4 |
| 29 | Hưng Yên | 7 | 3 | 4 |
| 30 | Cần Thơ | 7 | 3 | 4 |
| 31 | Khánh Hoà | 7 | 3 | 4 |
| 32 | Bình Thuận | 7 | 3 | 4 |
| 33 | Quảng Ngãi | 7 | 3 | 4 |
| 34 | Cà Mau | 7 | 3 | 4 |
| 35 | Sóc Trăng | 7 | 3 | 4 |

Dự kiến Đại biểu Quốc hội khóa XV

| STT | Tỉnh/Thành phố | Dự kiến Đại biểu Quốc hội khóa XV | | |
|-----|-----------------|-----------------------------------|--|--|
| | | Tổng số | Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu | Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu |
| 36 | Thừa Thiên Huế | 7 | 3 | 4 |
| 37 | Tây Ninh | 6 | 2 | 4 |
| 38 | Vĩnh Phúc | 6 | 2 | 4 |
| 39 | Bà Rịa-Vũng Tàu | 6 | 2 | 4 |
| 40 | Đà Nẵng | 6 | 2 | 4 |
| 41 | Vĩnh Long | 6 | 2 | 4 |
| 42 | Trà Vinh | 6 | 2 | 4 |
| 43 | Bình Phước | 6 | 2 | 4 |
| 44 | Ninh Bình | 6 | 2 | 4 |
| 45 | Bạc Liêu | 6 | 2 | 4 |
| 46 | Quảng Bình | 6 | 2 | 4 |
| 47 | Phú Yên | 6 | 2 | 4 |
| 48 | Hà Giang | 6 | 2 | 4 |
| 49 | Hà Nam | 6 | 2 | 4 |
| 50 | Hoà Bình | 6 | 2 | 4 |
| 51 | Yên Bái | 6 | 2 | 4 |
| 52 | Tuyên Quang | 6 | 2 | 4 |
| 53 | Lạng Sơn | 6 | 2 | 4 |
| 54 | Lào Cai | 6 | 2 | 4 |
| 55 | Hậu Giang | 6 | 2 | 4 |
| 56 | Quảng Trị | 6 | 2 | 4 |
| 57 | Đắk Nông | 6 | 2 | 4 |
| 58 | Điện Biên | 6 | 2 | 4 |
| 59 | Ninh Thuận | 6 | 2 | 4 |
| 60 | Kon Tum | 6 | 2 | 4 |
| 61 | Cao Bằng | 6 | 2 | 4 |
| 62 | Lai Châu | 6 | 2 | 4 |
| 63 | Bắc Kạn | 6 | 2 | 4 |
| | Tổng | 500 | 207 | 293 |